



NGUỒN VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



Company Name

www.ub.com.vn

U&Bank



NGUỒN VỐN



- Khái niệm vốn: là những giá trị tiền tệ do NHTM huy động và tạo lập được để phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu sinh lợi.
- Gồm có:
 - Vốn huy động
 - Vốn đi vay
 - Vốn tự có
 - Vốn khác

www.ub.com.vn



Vai trò của nguồn vốn



- ❖ Nguồn vốn ngân hàng quyết định khả năng sinh lời của ngân hàng
 - Hiệu ứng kinh tế nhờ quy mô
 - Hoạt động trên nhiều địa bàn
- ❖ Nguồn vốn quyết định khả năng thanh khoản của ngân hàng:
 - ❖ Dễ dàng vay mượn các ngân hàng khác
 - ❖ Dễ dàng nhận được sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý
- ❖ Nguồn vốn quyết định khả năng cạnh tranh của ngân hàng:
 - ❖ Cạnh tranh về giá
 - ❖ Cạnh tranh về sản phẩm dịch vụ

www.ub.com.vn



NỘI DUNG CHÍNH



Quản trị vốn huy động

Quản trị nguồn vốn vay

Quản trị Vốn tự có

www.ub.com.vn

KHÁI NIỆM

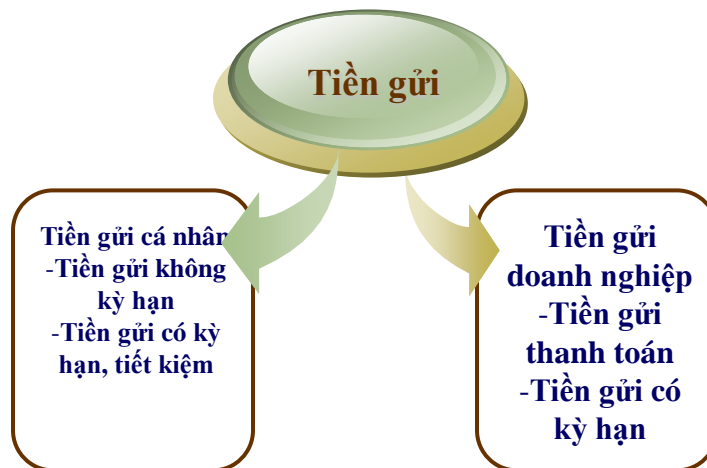
Vốn huy động là những giá trị tiền tệ do ngân hàng thương mại tạo lập thông qua thu hút tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá

www.ub.com.vn

TÍNH CHẤT VỐN HUY ĐỘNG

- 1 Không thuộc sở hữu của NHTM
- 2 Có tính biến động cao
- 3 Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn
- 4 Ảnh hưởng lớn đến chi phí, rủi ro của NHTM

www.ub.com.vn



www.ub.com.vn

- **Mục tiêu:**

Quản lý nguồn tiền gửi về quy mô, chi phí và cấu trúc nhằm đạt được các mục tiêu chung của ngân hàng:

- ☞ Tìm kiếm nguồn vốn với chi phí thấp
- ☞ Đảm bảo phù hợp giữa huy động và sử dụng vốn
- ☞ Hạn chế rủi ro lãi suất, thanh khoản...

- **Nội dung quản lý vốn huy động**

- Quản trị chi phí vốn huy động
- Quản trị quy mô vốn huy động

8

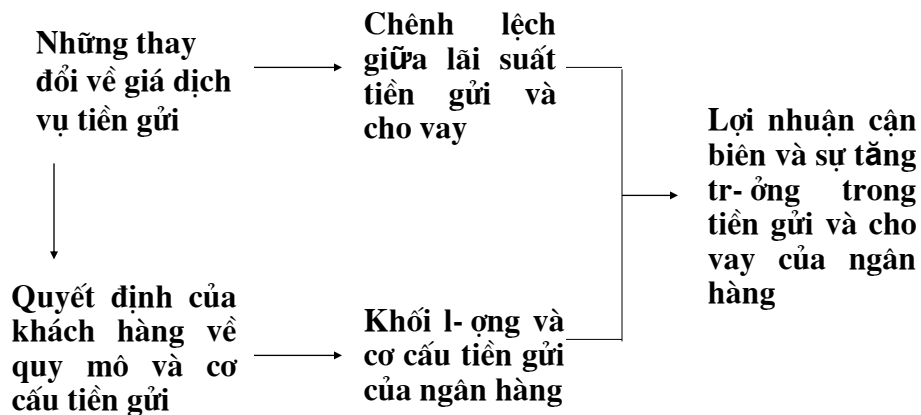
www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Ảnh hưởng của giá tiền gửi đến các mục tiêu của NH



9

www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Phương pháp chi phí quá khứ bình quân (phương pháp chi phí vốn trung bình theo nguyên giá)

- Xác định chi phí theo **phương pháp chi phí quá khứ bình quân**

$$\text{Tỷ lệ chi phí trả lãi bình quân} = \frac{\text{Chi phí trả lãi}}{\text{Tổng vốn huy động + Vốn vay}}$$

10

www.ub.com.vn



PP. chi phí quá khứ bình quân



- Phương pháp này dựa trên các số liệu trong quá khứ về vốn tạo lập và chi phí cho từng loại vốn vay
- phương pháp này được sử dụng để tính mức chi phí bình quân đầu vào, dựa trên các số liệu của ngân hàng

www.ub.com.vn



PP. chi phí quá khứ bình quân



❖ Phương pháp tính:

- *Tính số dư bình quân của từng loại tiền gửi*
- *Lãi suất huy động bình quân tính theo từng loại tiền gửi*
- *Xác định chi phí trả lãi cho từng loại tiền gửi tương ứng hoặc vốn mà ngân hàng thu hút vào dưới dạng đi vay.*

$$\text{Tỷ lệ chi phí trả lãi bình quân} = \frac{\text{Chi phí trả lãi}}{\text{Tổng vốn huy động} + \text{Vốn vay}}$$

www.ub.com.vn



Loại nguồn vốn	Số dư trung bình	Chi phí lãi
Tiền gửi không kỳ hạn	66.389	0,0%
Tiền gửi có kỳ hạn	129.807	5,46%
Các loại tiền gửi h- ưởng lãi khác	9.806	5,27%
Các nguồn vốn đi vay	19.931	4,61%
Tổng cộng	225.933	

Tỷ lệ chi phí trả lãi bình quân là bao nhiêu?

13

www.ub.com.vn



PP. chi phí quá khứ bình quân



❖ **Lãi suất hòa vốn bình quân đối với nguồn tài trợ từ bên ngoài:**

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoà vốn cho nguồn tài trợ từ bên ngoài} = \frac{\text{Chi phí trả lãi + Chi phí khác}}{\text{Tài sản có sinh lời}}$$

Chi phí khác: chi phí hoạt động: trả lương nhân viên, chi phí về TSCĐ ...

www.ub.com.vn



PP. chi phí quá khứ bình quân



❖ Tỷ lệ chi phí hòa vốn bình quân sau thuế:

$$\text{Tỷ lệ CF vốn bình quân sau thuế} = \frac{\text{CF trả lãi} + \text{CF khác}}{\text{TSC sinh lời}} + \frac{\text{ROE} \times \text{VTC}}{(1-t) \times \text{TSC sinh lời}}$$

Trong đó: t : thuế suất thuế thu nhập

www.ub.com.vn

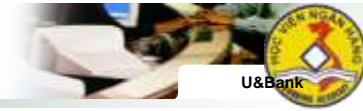


Tại Ngân hàng TMCP Tân Á có tình hình nguồn vốn như sau:



Chi tiết các loại vốn	Số bình quân (10.000 đồng)	Lãi suất
1. Tiền gửi doanh nghiệp		
- Tiền gửi thanh toán	36000	0%
- Tiền gửi giao dịch khác	98.271	2,61%
2. Tiền gửi cá nhân		
- Tiền gửi thanh toán	30398	0%
- Tiền gửi tiết kiệm	89.043	4,33%
- Tiền gửi kỳ hạn các loại	129.807	5,46%
3. Giấy tờ có giá		
- Chứng chỉ tiền gửi	31.269	5,71%
- Các chứng khoán khác	9.806	5,27%
4. Các quỹ vay	19.931	4,61%
5. Vốn tự có	40.000	

www.ub.com.vn



Yêu cầu:

1. Xác định tỷ lệ chi phí trả lãi bình quân, tỷ lệ chi phí hoà vốn cho nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài. Biết rằng chi phí lãi suất chiếm 10% tổng chi phí và ngân hàng dự kiến sử dụng 71% nguồn vốn vào tài sản sinh lời?
2. Để đạt được tỷ lệ ROE là 15% thì tỷ lệ chi phí vốn sau thuế bình quân là bao nhiêu? Biết rằng thuế thu nhập là 25%.

www.ub.com.vn



Chi phí quá khứ bình quân



☞ Ưu điểm

- ✓ Phù hợp khi đánh giá chi phí huy động vốn trong quá khứ
- ✓ Giúp ngân hàng tìm ra các nguyên nhân của tình trạng trong quá khứ: lợi nhuận thấp, NIM thấp...

☞ Nhược điểm

- ✓ Chưa tính đến yếu tố Hệ số sử dụng vốn của các nguồn vốn khác nhau
- ✓ **Thiếu độ tin cậy khi lãi suất biến động mạnh**

18

www.ub.com.vn



Quản trị Chi phí vốn huy động



Phương pháp tập trung nguồn vốn

Giả thiết: ngân hàng chỉ quan tâm đến chi phí trung bình của tất cả nguồn vốn mà không quan tâm đến chi phí của từng loại vốn

- Cách thức Xác định:
 - 1) Ngân hàng tính toán tỷ lệ chi phí cho mỗi nguồn vốn (đọc điều chỉnh theo tỷ lệ dự trữ bắt buộc, chi phí bảo hiểm tiền gửi và ngân quỹ)
 - 2) Nhân từng tỷ lệ chi phí với tỷ lệ quỹ t-ong ứng
 - 3) Cộng các kết quả để xác định chi phí nguồn vốn trung bình của ngân hàng

19

www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Phương pháp tập trung nguồn vốn – Chi phí vốn bình quân gia quyền

$$\text{Tỷ lệ Chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC)} = \sum \frac{R_k * i_k}{A * r_k}$$

☞ Trong đó

- ☞ R_k Số vốn huy động từ nguồn k
- ☞ i_k Tỷ lệ chi phí trả lãi và ngoài lãi
- ☞ A Tổng nguồn vốn
- ☞ r_k Hệ số sử dụng vốn = 1- tỷ lệ dự trữ

www.ub.com.vn

Phương pháp tập trung nguồn vốn

- Giả sử NH huy động thêm 400 triệu USD, bao gồm 100 triệu USD tiền gửi thanh toán, 200 triệu USD tiền gửi kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm, 50 triệu USD tiền vay trên thị trường tiền tệ và 50 triệu USD vốn cổ phần.
- Giả định các chi phí lãi và chi phí ngoài lãi chiếm 10% giá trị đối với tiền gửi thanh toán, 11% đối với tiền gửi tiết kiệm và các khoản vay trên thị trường tiền tệ, 22% đối với vốn cổ phần huy động bổ sung.
- Giả sử dự trữ bắt buộc và số dư tiền gửi không thể sử dụng chiếm 15% đối với tiền gửi giao dịch, 5% đối với tiền gửi tiết kiệm và 2% đối với các khoản vay trên thị trường tiền tệ.
- **Như vậy Tỷ lệ chi phí bình quân gia quyền của các nguồn vốn là bao nhiêu?**

21

www.ub.com.vn

Quản trị chi phí vốn huy động

Phương pháp tập trung nguồn vốn

Ý nghĩa của phương pháp tập trung nguồn vốn?

Sử dụng để xác định cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng (dựa vào sự đánh giá các chi phí đầu vào của ngân hàng). Tùy từng thời kỳ, ngân hàng sẽ điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sao cho có chi phí hợp lý nhất

$$\text{Tỷ lệ Chi phí vốn bình quân gia quyền} = \sum \frac{R_k \cdot i_k}{A \cdot r_k}$$

22

www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Phương pháp tập trung nguồn vốn

Ý nghĩa của phương pháp tập trung nguồn vốn?

Giúp nhà quản trị NH có thể xác định được ảnh hưởng của bất kỳ sự thay đổi nào trong chi phí huy động vốn => Xây dựng kế hoạch huy động vốn.

Chẳng hạn nhà quản lý có thể tiến hành các thử nghiệm với các giao dịch về chi phí tiền gửi khác nhau (lãi suất, lệ phí và dự trữ tối thiểu) cho bất kỳ kế hoạch huy động vốn nào và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến chi phí huy động vốn của ngân hàng

23

www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Phương pháp tập trung nguồn vốn

NHƯỢC ĐIỂM ?

→ WACC sẽ là một tiêu chuẩn không trung thực và phi thực tế trong định giá tiền gửi nếu trong bối cảnh lãi suất thị trường có sự biến động mạnh.

THỰC TIỄN:

Vụ sụp đổ của ngân hàng **Franklin National Bank of New York** năm 1974 - *một phần bắt nguồn từ chiến lược quản lý mà theo đó nhà quản lý so sánh tỷ lệ thu nhập dự tính của các khoản cho vay mới với WACC*

24

www.ub.com.vn



Phương pháp xác định chi phí cận biên

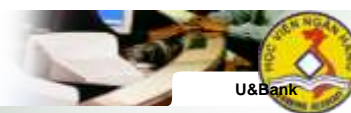
☞ Khái niệm:

- Chi phí biên là chi phí tăng thêm mà ngân hàng phải trả để huy động thêm vốn (đồng vốn huy động cuối cùng)
- Thu nhập biên là thu nhập tăng thêm khi ngân hàng cho vay thêm một đồng vốn

www.ub.com.vn



MC



- Ngân hàng A lập kế hoạch huy động vốn mới vào tuần tới hy vọng thu hút thêm từ 200 tỷ đồng đến 1200 tỷ đồng tiền gửi để thực hiện các khoản đầu tư mới.
- Nhà quản lý tin tưởng rằng với lãi suất 10,75%, ngân hàng sẽ có thể thu hút thêm 200 tỷ đồng tiền gửi; để có được 400 tỷ đồng ngân hàng sẽ phải nâng lãi suất lên 11%. Theo dự báo: với các mức lãi suất 11,25%; 11,5%; 11,75% và 12%, ngân hàng có thể huy động được lần lượt 600 tỷ đồng, 800 tỷ đồng, 1000 tỷ đồng và 1200 tỷ đồng.
- **Yêu cầu:**
Ngân hàng nên huy động vốn với quy mô là bao nhiêu để có thể tối đa hoá lợi nhuận?
- **Biết rằng:**
Với quy mô đầu tư 200 tỷ đồng đến 1200 tỷ đồng ngân hàng có thể nhận được tỷ lệ thu nhập bình quân là 13,2%.

www.ub.com.vn



Phương pháp xác định chi phí cận biên

☞ Ưu điểm:

- ✓ Gắn kết các quyết định về lãi suất tiền gửi với lãi suất của các cơ hội đầu tư từ nguồn tiền gửi đó => Giúp các nhà quản trị xác định lãi suất tiền gửi và khả năng mở rộng cơ sở tiền gửi tối ưu
- ✓ Xác định chính xác chi phí huy động vốn trong điều kiện lãi suất thị trường biến động mạnh

☞ Nhược điểm:

- ✓ Không tính toán được Chi phí của toàn bộ nguồn vốn NH

27

www.ub.com.vn



Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chính sách giá



- Mục tiêu của ngân hàng trong từng thời kỳ
- Quan điểm của nhà quản lý
- Chi phí phục vụ khách hàng
- Loại khách hàng mục tiêu
- Tâm lý, thói quen, hành vi của khách hàng
- Bản chất và mức độ cạnh tranh trên thị trường
- Vị trí của ngân hàng

28

www.ub.com.vn



Quản trị chi phí vốn huy động



Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tiền gửi

Nhân tố khách quan

- Chính sách tiền tệ, tài chính và mức độ ổn định của chính phủ
- Thu nhập và động cơ của người gửi tiền
- Tỷ lệ lạm phát dự tính
- Tính chu kỳ của nền kinh tế
- Thói quen, tập quán tiêu dùng, tiết kiệm của dân cư

Nhân tố chủ quan

- Lãi suất cạnh tranh của NH
- Uy tín và mức độ an toàn của NH
- Chất lượng sản phẩm NH cung ứng
- Hệ thống phân phối của NH
- Sự đa dạng và phù hợp của các sản phẩm huy động vốn
- Sự thuận tiện trong quá trình giao dịch
- Các chính sách của NH

29

www.ub.com.vn



BÀI TẬP NHÓM



- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng huy động vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam



www.ub.com.vn



Biện pháp tăng vốn huy động



- Nhóm biện pháp kinh tế
- Nhóm biện pháp tâm lý
- Nhóm biện pháp kỹ thuật



www.ub.com.vn



Cơ sở của biện pháp KT



- Xác định nhu cầu sinh lời của khách hàng
- Các ngân hàng phải cạnh tranh với nhau trong cuộc chiến dành nguồn vốn đầu vào
- Ngân hàng hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận
- Duy trì mối quan hệ với khách hàng truyền thống

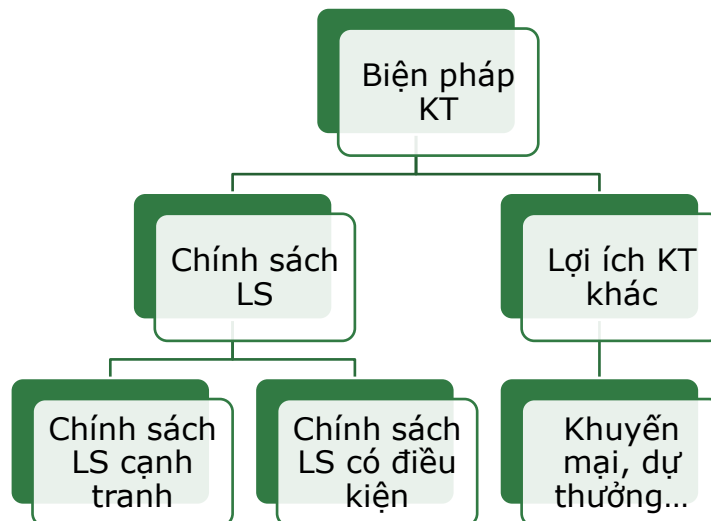


www.ub.com.vn

- Ngân hàng dùng đòn bẩy kinh tế (Lãi suất huy động và phí dịch vụ) tác động vào khách hàng từ đó đạt được các mục tiêu về vốn của mình.



www.ub.com.vn



www.ub.com.vn

- Ngân hàng tăng lãi suất huy động và hạ phí dịch vụ so với bình quân thị trường



www.ub.com.vn

- Các ngân hàng thường sử dụng biện pháp này trong một số TH:
 - ✓ Giai đoạn thâm nhập thị trường
 - ✓ Giai đoạn thiếu hụt vốn thanh khoản
 - ✓ Tìm được đầu ra xác định có thu nhập cao

www.ub.com.vn



Liên hệ thực tế



- NHNN thực hiện các biện pháp siết chặt tiền đồng trong lưu thông nhằm triệt để kiểm soát lạm phát
- Các NHTM phải mua tín phiếu bắt buộc bằng tiền đồng kỳ hạn 364 ngày, tăng DTBB
- Hệ lụy trước đó các NHTM đã tăng trưởng tín dụng nóng => vấn đề thanh khoản

➤ *Cuộc chạy đua lãi suất huy động*

www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện



- NH tạo ra sự chênh lệch về LSHĐ và phí dịch vụ đối với các loại tiền gửi trong danh mục tiền gửi để đạt mục tiêu đề ra về vốn.
- ✓ Định lãi suất để có sự ổn định về vốn
- ✓ Định lãi suất để thu hút tiền gửi có số dư lớn
- ✓ Định lãi suất để giữ chân được khách hàng truyền thống

www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện

U&Bank



- Định giá để có sự ổn định của tiền gửi: NH sẽ thực hiện những ưu đãi về LSHĐ và phí dịch vụ để khách hàng gửi tiền kỳ hạn càng dài càng tốt.

Nguyên lý: Kỳ hạn càng dài, lãi suất càng cao.



www.ub.com.vn



Ngân hàng Nông nghiệp

U&Bank



Tiền tệ	Kỳ hạn	Lãi suất
USD	Dưới 1 tháng	0.20 %
USD	1 - < 3 tháng	3.50 %
USD	3 - < 6 tháng	3.80 %
USD	6 - < 12 tháng	4.50 %
USD	12 - < 18 tháng	5.00 %
USD	18 - < 24 tháng	5.10 %
USD	Đủ 24 tháng	5.20 %
VND	Dưới 1 tháng	3.00 %
VND	1 - < 3 tháng	11.00 %
VND	3 - < 6 tháng	11.20 %
VND	6 - < 12 tháng	11.20 %
VND	12 - < 18 tháng	11.20 %
VND	18 - < 24 tháng	11.20 %
VND	Đủ 24 tháng	11.20 %

www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện



- Vấn đề thu hút những khoản tiền gửi có số dư lớn: NH sẽ thực hiện ưu đãi về LS và phí dịch vụ để thu hút được số dư lớn.

Nguyên lý: Số dư càng lớn, lãi suất càng cao và phí dịch vụ càng giảm.



www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện



Lãi suất bậc thang ngân hàng VBARD

Số lượng	Tất cả các kỳ hạn cộng thêm biên độ (%/năm)
Từ 200 - 500 triệu đồng	0.01
Từ 500 - 1000 triệu đồng	0.02
Từ 1000 triệu trở lên	0.03

www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện



- **Tiền gửi Tài Lộc:** là tài khoản Tiền gửi thanh toán dành cho khách hàng cá nhân, theo đó số dư càng lớn thì mức lãi suất áp dụng cho toàn bộ số dư trong tài khoản của khách hàng càng cao.

Số lượng	Lãi suất(%/năm)
20 triệu đồng trở xuống	3,0
Trên 20 triệu đồng -100 triệu đồng	3,5
Trên 100 triệu đồng - 500 triệu đồng	3,8
Trên 500 triệu đồng	4

www.ub.com.vn



Chính sách LS có điều kiện



- **Chính sách ưu tiên khách hàng truyền thống**

(chính sách lãi suất dựa trên tổng thể mối quan hệ với KH) :

NH cũng thực hiện những ưu đãi về lãi suất và phí dịch vụ đối với những khách hàng lớn, những khách hàng truyền thống.





Chính sách LS có điều kiện



- **Chính sách ưu tiên khách hàng truyền thống**

(chính sách lãi suất dựa trên tổng thể mối quan hệ với KH) :

*Cơ sở : khách hàng sử dụng nhiều dịch vụ hơn sẽ
trung thành hơn và trong dài hạn sẽ tạo ra thu nhập
lớn hơn cho ngân hàng.*

www.ub.com.vn



Ưu điểm của nhóm biện pháp KT



- Tạo điều kiện cho ngân hàng có những khoản tiền gửi có số dư lớn và ổn định
- Là công cụ cạnh tranh hiệu quả khi thị trường có nhiều khách hàng nhạy cảm với vấn đề lãi suất

www.ub.com.vn



Nhược điểm của nhóm biện pháp KT



- Làm tăng chi phí của ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn thâm nhập thị trường
- Khó thành công trong giai đoạn có nhiều khách hàng không nhạy cảm với vấn đề lãi suất

www.ub.com.vn



Quản trị quy vốn huy động



Các hiện nhân mở rộng quy mô tiền gửi

[?] Ra mắt sản phẩm dịch vụ mới e-Banking

- Biện pháp
- Hiện
- Cải
- chỉ
- Đa
- tiền
- Hoàn
- mạng lưới hiện đại (ATM, thẻ tín dụng...)
- ...

Tháng 4 với ngày kỷ niệm 55 năm thành lập ngành, BIDV cũng sẽ tổ chức lễ ra mắt sản phẩm e-Banking, giới thiệu tới khách hàng một kênh giao dịch ngân hàng mới, hiện đại qua Internet và qua điện thoại di động, giúp khách hàng có thể kiểm soát và giao dịch tài chính mọi lúc, mọi nơi. Dịch vụ ngân hàng trực tuyến - BIDV Internet Banking và dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động - BIDV Mobile Banking hứa hẹn sẽ mang lại một diện mạo mới cho các dịch vụ tại BIDV. BIDV không chỉ là một ngân hàng lớn với lịch sử phát triển 55 năm mà còn là một ngân hàng hiện đại, năng động với các dịch vụ được ứng dụng trên nền công nghệ thông tin hiện đại mang lại sự tiện lợi tối đa cho khách hàng.

www.ub.com.vn



Quản trị quy vốn huy động



Các biện pháp mở rộng quy mô tiền gửi

[?] Động cơ gửi tiền của khách hàng?

- ❑ Biện pháp tâm lý
- Tuyên truyền, quảng cáo
- Tạo hình ảnh đẹp của NH trong tâm trí KH
- Nghiên cứu thị trường nắm bắt nhu cầu khách hàng
- Giải đáp, hướng dẫn, tuyên truyền nhằm thay đổi tập quán, thói quen của dân cư
- ...

49

www.ub.com.vn



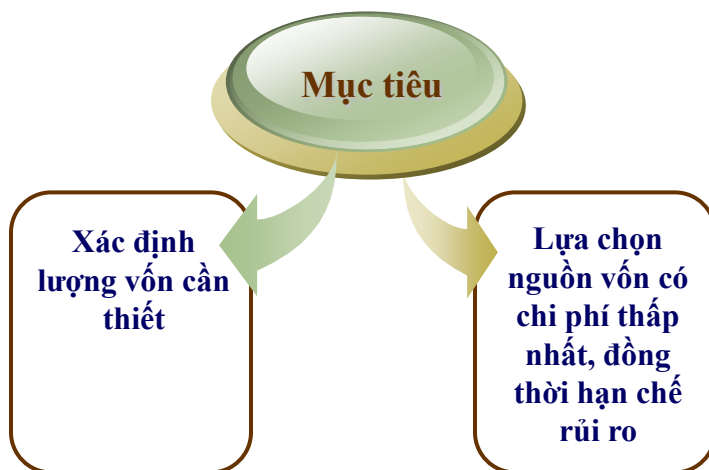
Quản trị nguồn vốn phi tiền gửi



- **Mục tiêu**
- **Nội dung quản trị**
 - Xác định khe hở vốn
 - Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nguồn tiền vay

50

www.ub.com.vn



www.ub.com.vn

- Quản trị khe hở vốn và các quyết định huy động các nguồn vốn phi tiền gửi để ngân hàng có thể tài trợ cho hoạt động của mình
- Các nguồn vốn phi tiền gửi ngân hàng có thể huy động:

Ví dụ: Tại Mỹ

- Thị trường quỹ liên bang
- Vay từ ngân hàng dự trữ liên bang khu vực
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng
- Thị trường tiền gửi Châu Âu
- Thị trường giấy nợ ngắn hạn
- Hợp đồng mua lại
- Các nguồn vốn phi tiền gửi dài hạn

Tại Việt Nam các NH có thể huy động những nguồn vốn phi tiền gửi nào?

52

www.ub.com.vn

Để quản trị danh mục tiền vay, ngân hàng phải trả lời 2 câu hỏi then chốt sau:

- Để đáp ứng nhu cầu của ngân hàng, cần phải vay bao nhiêu từ những nguồn vốn phi tiền gửi?
- Nguồn vốn nào là phù hợp nhất với mục tiêu của ngân hàng?

53

www.ub.com.vn

Xác định khe hở vốn

- Khe hở vốn (Funds Gap): mức độ chênh lệch giữa nhu cầu tín dụng và l- ợng tiền gửi hiện tại và dự tính

$$\text{Khe hở vốn FG} = \text{Cho vay, đầu tư hiện tại và dự tính} - \text{Dòng tiền gửi vào hiện tại và dự tính}$$

54

www.ub.com.vn



Nội dung quản trị



Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi

- Chi phí t-ong đối để huy động từ mỗi nguồn vốn phi tiền gửi
- Tính rủi ro của mỗi nguồn vốn
- Yêu cầu về thời gian (kỳ hạn) của nhu cầu vốn
- Quy mô của ngân hàng
- Quy định hạn chế áp dụng đối với mỗi nguồn vốn

55

www.ub.com.vn



Lãi suất phi tiền gửi ngày 3/5/12

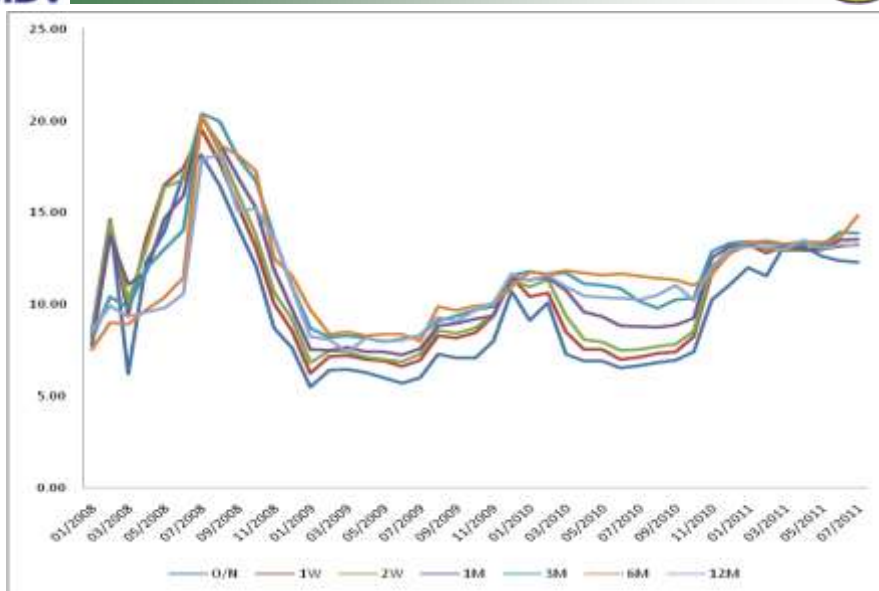


Thời hạn	VNIBOR	Tái cấp vốn	Tái chiết khấu
Qua đêm	7,22	11	13
1 Tuần	4,50		
2 Tuần	5,95		
1 Tháng	7,54		
3 Tháng	12,00		
6 Tháng	12,00		
12 Tháng	18,48		

www.ub.com.vn



Diễn biến lãi suất phi tiền gửi



Lãi suất phi tiền gửi



Lãi suất bình quân thị trường liên ngân hàng tuần từ 6/3 - 13/3/2012 (đơn vị: %)

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng
VND	12,26	11,43	11,48	12,38	13,4	21	13,5

Lãi suất bình quân thị trường liên ngân hàng tuần từ 24/4/2012 (đơn vị: %)

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng
VND	7,22	4,5	5,95	7,54	12	12	18,48

www.ub.com.vn



Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi



- **Tính rủi ro của mỗi nguồn vốn** (sự biến động của lãi suất và khả năng tiếp cận nguồn vốn vay)
- Lãi suất vốn phi tiền gửi th- ờng kém ổn định
- Các thị tr- ờng chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nh- ợng, do la châu Âu và hối phiếu th- ờng đặc biệt nhạy cảm với những rủi ro tín dụng, nên có thể hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý của ngân hàng
- **Kỳ hạn cần thiết của nguồn vốn**
- Nhu cầu vốn tức thì và ngắn hạn: vay trên thị tr- ờng quỹ liên bang (TT liên ngân hàng)
- Nhu cầu vốn dài hạn: phát hành giấy nợ, hợp đồng mua lại...

59

www.ub.com.vn



Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nguồn vốn phi tiền gửi



- **Quy mô, uy tín của ngân hàng**
- Ngân hàng nhỏ, ít uy tín: vay từ cửa sổ chiết khấu, TT quỹ liên bang
- Ngân hàng lớn: phát hành giấy nợ, vay trên thị tr- ờng tiền tệ (số l- ợng vay lớn, lãi suất đấu thầu)
- **Các quy định hạn chế áp dụng với mỗi nguồn vốn trong từng thời kỳ**
- Có thể giới hạn về quy mô, mức độ th- ờng xuyên của việc sử dụng các nguồn vốn vay của ngân hàng hoặc tăng thêm chi phí cho việc sử dụng các nguồn vốn vay.

60

www.ub.com.vn



Quản trị vốn tự có



1. Một số khái niệm cơ bản
2. Mục tiêu và yêu cầu trong quản trị vốn tự có
3. Nội dung quản trị vốn tự có
 - Thành phần vốn tự có
 - Nội dung quản trị vốn tự có
 - Các quy định liên quan đến vốn tự có
 - Các biện pháp phát triển vốn tự có

61

www.ub.com.vn



Quản trị Vốn tự có



Một số khái niệm cơ bản

- Vốn kinh tế: là lượng nguồn lực cần thiết của ngân hàng để chịu những rủi ro bất ngờ, với một mức độ tự tin hợp lý, trong một khoảng thời gian định trước.
- Vốn pháp định: là mức vốn tối thiểu phải có để thành lập và duy trì hoạt động ngân hàng theo quy định pháp luật
- Vốn điều lệ: là số vốn do các thành viên cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ hoạt động của ngân hàng
- Vốn chủ sở hữu: là giá trị tiền tệ thuộc sở hữu ngân hàng hay được gọi là giá trị ròng của ngân hàng.

www.ub.com.vn

Nghị định 141/2006 về Vốn pháp định

STT	Loại hình tổ chức tín dụng	Mức vốn pháp định áp dụng cho đến năm	
		2008	2010
I	Ngân hàng		
1	Ngân hàng thương mại		
a	Ngân hàng thương mại Nhà nước	3.000 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng
b	Ngân hàng thương mại cổ phần	1.000 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng
c	Ngân hàng liên doanh	1.000 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng
d	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	1.000 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng
đ	Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	15 triệu USD	15 triệu USD

www.ub.com.vn




Vai trò của vốn tự có

- Vốn là điều kiện bắt buộc để ngân hàng có đ-ợc giấy phép tổ chức và hoạt động
- Vốn tạo niềm tin cho khách hàng, cổ đông và là sự đảm bảo đối với chủ nợ về sức mạnh tài chính của ngân hàng
- Vốn cung cấp năng lực tài chính cho sự tăng tr-ởng và phát triển của các hình thức dịch vụ mới, cho những ch-ơng trình và trang thiết bị mới
- Vốn là một “tấm đệm” phòng chống rủi ro phá sản của ngân hàng
- Vốn là nền tảng cho sự tăng tr-ởng và phát triển của ngân hàng
=> Điều chỉnh mọi hoạt động kinh doanh của NH

64

www.ub.com.vn

Mục tiêu

-  Bảo đảm và không ngừng tăng quy mô vốn tự có.
 - Tạo tiền đề mở rộng quy mô, hiện đại hoá
 - Tăng lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng.
 - Tăng mức độ an toàn trong kinh doanh.
-  Đo lường và xác định mức vốn tự có hợp lý
-  Lựa chọn phương án tăng vốn tự có phù hợp

www.ub.com.vn

Thành phần vốn tự có

Vốn tự có cơ bản (Vốn cấp 1)

- Vốn điều lệ (Vốn cổ phần)
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- Quỹ đầu t- phát triển nghiệp vụ
- Lợi nhuận không chia
- Thặng d- vốn

66

www.ub.com.vn



Quản trị vốn tự có



Thành phần vốn tự có (TT13/2010- NHNN)

● Vốn tự có bổ xung (Vốn cấp 2)

- a. 50% số dư Có tài khoản đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của pháp luật
- b. 40% số dư Có tài khoản đánh giá lại tài sản tài chính theo quy định pháp luật
- c. Quỹ dự phòng tài chính
- d. Trái phiếu chuyển đổi do tổ chức tín dụng phát hành
- e. Các công cụ nợ khác.

67

www.ub.com.vn



Quản trị vốn tự có



Đo lường quy mô vốn tự có:

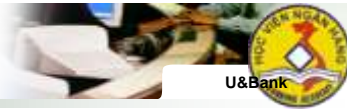
❖ Phương pháp đo lường theo giá trị sổ sách (GAAP)

Giá trị sổ sách của VTC = Giá trị sổ sách của tài sản – Giá trị sổ sách các khoản nợ

❖ Phương pháp đo lường theo giá thị trường

Giá thị trường của VTC = Giá thị trường của tài sản – Giá thị trường của nợ

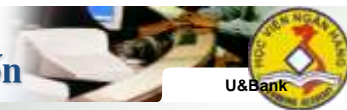
www.ub.com.vn



- Một ngân hàng cần có bao nhiêu vốn?
- Tỷ lệ vốn tự có theo quy định của pháp luật có thực sự liên quan đến khả năng chống đỡ rủi ro phá sản của ngân hàng?

69

www.ub.com.vn



Các quy định liên quan đến vốn tự có

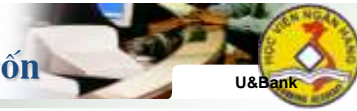
- Các tỷ lệ đ-ợc sử dụng để đánh giá mức độ hợp lý của nguồn vốn
 - Tổng số vốn/ Tổng tiền gửi
 - Tổng số vốn/ Tổng tài sản
 - Tổng số vốn/ Tổng tài sản rủi ro
- Ph- ơng pháp phân tích:
 - **Ph- ơng pháp so sánh ngang (Cross- section):** so sánh tỷ lệ VTC của mỗi ngân hàng với các ngân hàng tương đương khác trong cùng một thời điểm.
 - **Ph- ơng pháp phân tích chuỗi thời gian (Time- series analysis):** theo dõi những thay đổi trong tỷ lệ VTC của ngân hàng để xác định xem mức độ hợp lý của VTC đã thay đổi như thế nào .

70

www.ub.com.vn



Nội dung quản trị vốn



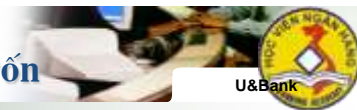
- Hiệp định Basle đ- ọc chính thức thông qua vào tháng 7- 1988 và đ- ọc áp dụng từ ngày 1/1/1993
- Tháng 4/ 1993 Hiệp định Basle đ- ọc sửa đổi và chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/1998

71

www.ub.com.vn



Nội dung quản trị vốn



- Vốn cơ sở: Cổ phiếu th- ờng, lợi nhuận không chia, cổ phiếu - u dài tích lũy vĩnh viễn, thu nhập từ công ty con, TS vô hình (không tính tới danh tiếng của công ty)
- Vốn bổ sung: Dự phòng tổn thất từ cho vay và cho thuê, các công cụ vốn nợ thứ cấp, các khoản nợ cho phép chuyển đổi, cổ phiếu - u dài trung hạn, cổ phiếu - u dài tích lũy vĩnh viễn không trả cổ tức, tín phiếu vốn và các công cụ nợ dài hạn khác mang đặc điểm của vốn cổ phần và của các khoản nợ

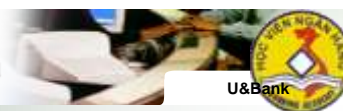
$$\frac{\text{Tổng số vốn}}{\text{Tổng tài sản theo tỷ lệ rủi ro}} \geq 9\%$$

72

www.ub.com.vn



Nội dung quản trị vốn



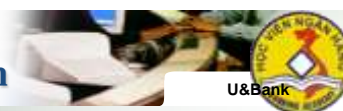
Một NH có \$6000 vốn và \$100.000 TS cùng BCĐ TS nh- sau:

BCĐ KT phần TS	(\$)
Tiền mặt	5000
Chứng khoán kho bạc	20000
Số d- tiền gửi tại NH khác	5000
Cho vay thế chấp nhà	5000
Cho vay kinh doanh	65000
Tổng tài sản	100000
Các khoản mục ngoại bảng	
Th- bảo lãnh tín dụng đối với chính quyền địa ph- ơng	10000
Hợp đồng cho vay dài hạn với DN ch- a thực hiện	20000
Tổng giá trị các khoản mục ngoại bảng	30000

⁷³
www.ub.com.vn



Nội dung quản trị vốn

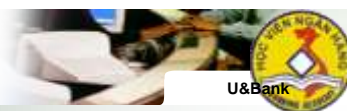


Tính quy mô tín dụng t- ơng đ- ơng với mỗi khoản mục ngoại bảng CĐKT

Các khoản mục ngoại bảng	MG	HS	Quy mô TD t- ơng đ- ơng
Th- bảo lãnh tín dụng	10,000	x 1.0	= 10,000
Hợp đồng tín dụng với DN ch- a thực hiện	20,000	x 0.5	= 10,000



Nội dung quản trị vốn



Nhân mỗi khoản mục trong bảng CĐKT và các l- ợng tín dụng t- ơng đ- ơng của các khoản mục ngoại bảng với tỷ lệ rủi ro		
Tiền mặt + Trái phiếu chính phủ	$(5000+20000) \times 0\%$	0
Số d- TG tại các NH trong n- ớc + L- ợng TD t- ơng đ- ơng của th- bảo lãnh tín dụng cho CQ địa ph- ơng	$(5000+10000) \times 20\%$	3000
Cho vay đảm bảo bằng BDS	$5000 \times 50\%$	2500
Cho vay kinh doanh + L- ợng TD t- ơng đ- ơng của hợp đồng TD với DN ch- a thực hiện	$(65000+10000) \times 100\%$	75000
Tổng TS có theo tỷ lệ rủi ro		80500
Tỷ lệ vốn theo hiệp định Basle	$6000/80500$	7.45%

www.ub.com.vn



BÀI TẬP NHÓM



- Học viên tự nghiên cứu thông t- 13 /2010/TT, NHNN ngày 20-5-2010 về việc ban hành “Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng”
- Trình bày ý nghĩa và nội dung cơ bản của từng quy định

www.ub.com.vn

Tăng vốn tự có như thế nào?



www.ub.com.vn

MỤC TIÊU

- Nắm được các biện pháp tăng vốn tự có mà các NHTM thực hiện;
- **Bài tập** nhóm: Chọn 1 ngân hàng nghiên cứu:
 - Thực trạng vốn tự có của NH;
 - Quá trình tăng trưởng vốn tự có (các biện pháp thực hiện, mức độ thành công của các biện pháp).

www.ub.com.vn



BIỆN PHÁP TĂNG VỐN TỰ CÓ



U&Bank



Từ nguồn nội bộ



Từ nguồn bên ngoài

www.ub.com.vn



BẢN CHẤT



U&Bank



Tăng vốn tự có từ nguồn nội bộ là việc Ngân hàng để lại một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để tăng vốn tự có

www.ub.com.vn



ĐẶC ĐIỂM

U&Bank



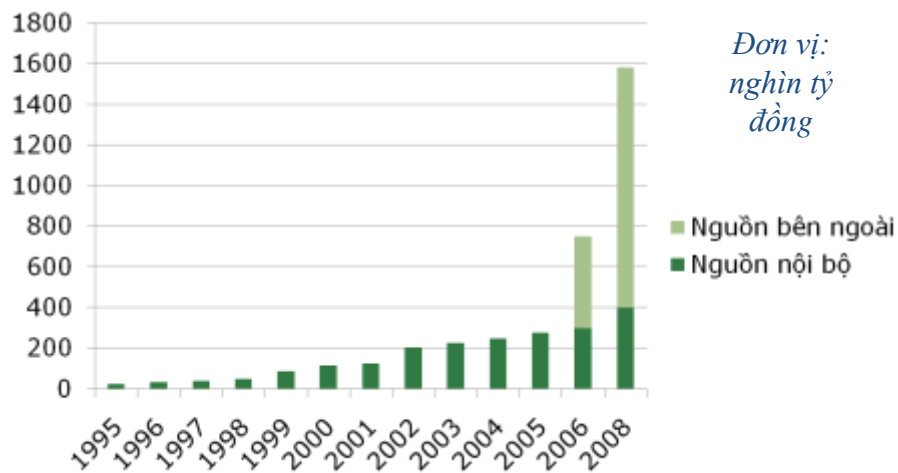
Bị giới hạn về quy mô

www.ub.com.vn



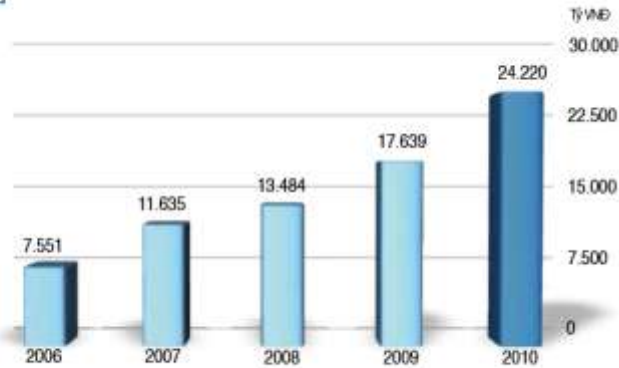
Tình hình tăng trưởng vốn tự có của Techcombank

U&Bank



www.ub.com.vn

Vốn chủ sở hữu



www.ub.com.vn

Bị giới hạn về quy mô

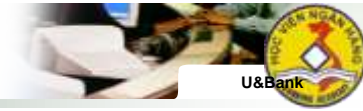
Ngân hàng chủ động,
không tốn chi phí

Không làm loãng quyền
sở hữu của các cổ đông

www.ub.com.vn



NỘI DUNG



$$\% \text{ tăng VTC từ nguồn nội bộ (ICGR)} = \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Vốn tự có}} \times 100$$

$$= \frac{\text{Lợi nhuận giữ lại}}{\text{Lợi nhuận ròng}} \times \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn tự có}}$$

$$\text{ICGR} = \text{ROE} \times \% \text{ thu nhập giữ lại}$$

$$= \left(1 - \frac{\text{Lợi nhuận đem chia}}{\text{Lợi nhuận ròng}} \right) \times \text{ROE}$$

www.ub.com.vn



TĂNG KHẢ NĂNG SINH LỜI VỐN CHỦ



$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn tự có}}$$

$$= \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\Sigma \text{ tài sản}} \times \frac{\Sigma \text{ tài sản}}{\text{VTC}}$$

$$= \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\Sigma \text{ tài sản}} \times \frac{\Sigma \text{ tài sản}}{\text{VTC}}$$

www.ub.com.vn



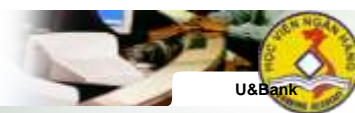
TĂNG KHẢ NĂNG SINH LỜI VỐN CSH



$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\Sigma \text{ tài sản}} \times \frac{\Sigma \text{ tài sản}}{\text{VTC}}$$

Hiệu quả
hoạt động Hiệu quả sử
dụng TS Đòn bẩy
tài chính

www.ub.com.vn



- Một ngân hàng đã dự báo các chỉ số kết quả hoạt động cho năm tới như sau:
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng/ thu nhập: 0.1
- Tổng thu hoạt động/ Tài sản: 0.09
- Tổng tài sản: 30000 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: 1600 tỷ đồng
- Tỷ lệ thu nhập để lại: 0.4
- Giả sử các tỷ lệ này được giữ ổn định trong năm tới, hãy tính tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của NH với điều kiện không làm giảm hệ số đòn bẩy tài chính.

www.ub.com.vn



TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NH



Cơ cấu lại tổ chức, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự

Thực hành tiết kiệm

Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng

www.ub.com.vn



TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN NH



Quản lý hiệu quả danh mục tài sản: điều chỉnh cơ cấu tài sản theo hướng tăng tài sản sinh lời đồng thời kết hợp với yêu cầu đảm bảo an toàn thanh khoản

Tăng cung ứng dịch vụ cho khách hàng trên cơ sở TSCĐ hiện có, nguồn thông tin hiện có

www.ub.com.vn

Khi nào nên
tăng?



www.ub.com.vn

● Ưu điểm

- Chi phí thấp (tránh được các chi phí phát hành, kêu gọi cổ đông nh- biện pháp tăng vốn từ nguồn bên ngoài)
- Tránh được tình trạng “loãng quyền sở hữu” của cổ đông

● Nhược điểm

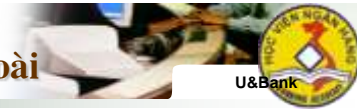
- Nguồn lợi nhuận để lại có thể không ổn định do phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong từng giai đoạn cụ thể.
- Hạn chế về quy mô tăng vốn

92

www.ub.com.vn



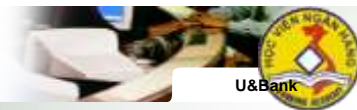
Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



- Tăng vốn từ nguồn bên ngoài
- Bán cổ phiếu th- ờng
- Bán cổ phiếu - u dài
- Phát hành các chứng khoán nợ dài hạn
- Chuyển đổi chứng khoán nợ thành vốn cổ phần
- Sáp nhập hợp nhất

93

www.ub.com.vn



	Tin Nghĩa		Sài Gòn		Đệ nhất	
	9T/2011	2010	9T/2011	2010	9T/2011	2010
Vốn điều lệ	3.399	3.399	4.185	4.185	3.000	3.000
Tổng tài sản	58.940	46.414	78.014	60.183	17.100	7.649
Lợi nhuận trước thuế	579	378	530	544	219	141
Lợi nhuận sau thuế	432	284	401	405		
Tiền gửi khách hàng	35.029	25.5				

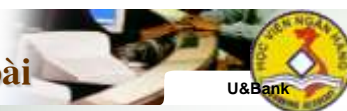
Cả ba ngân hàng Đệ Nhất (Ficombank), Việt Nam Tín Nghĩa (TinNghiaBank) và Sài Gòn (SCB) đều có trụ sở tại TP HCM, với tổng vốn điều lệ (tính tới cuối tháng 9) là 10.600 tỷ đồng và tổng tài sản 154.000 tỷ đồng.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được chỉ định tham gia toàn diện vào ngân hàng mới sau hợp nhất, với tư cách đại diện vốn nhà nước.

www.ub.com.vn



Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



☐ Bán cổ phiếu th- ờng mới

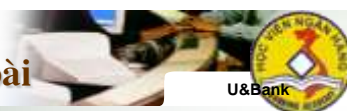
- Ưu điểm
 - Giảm đ- ọc gánh nặng về tài chính
 - Tăng khả năng vay nợ trong t- ờng lai
- Nh- ợc điểm
 - Chi phí phát hành và giao dịch cao (Tốn kém nhất)
 - Có thể làm “loãng” quyền sở hữu
 - Thu nhập trên mỗi cổ phiếu có thể giảm xuống nếu thu nhập từ vốn bổ sung không bù đắp đ- ọc chi phí phát hành

95

www.ub.com.vn



Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



☐ Bán cổ phiếu - u đãi

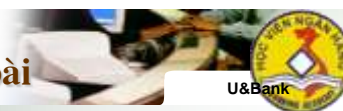
- Ưu điểm
 - Không giảm quyền kiểm soát của các cổ đông hiện tại
 - Không gây “hiệu ứng pha loãng”
 - Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu giảm áp lực vay nợ và trả lãi của NH (vì cổ tức không cần trả ngay)
 - Tăng khả năng vay nợ trong t- ờng lai
- Nh- ợc điểm
 - Chi phí phát hành cao
 - Cổ tức của cổ đông nắm giữ cổ phiếu th- ờng có thể giảm đi do cổ đông nắm giữ cổ phiếu - u đãi có quyền với thu nhập tr- ớc cổ đông nắm giữ cổ phiếu th- ờng

96

www.ub.com.vn



Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



❑ Phát hành giấy nợ thứ cấp

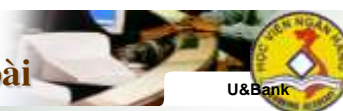
- Ưu điểm
 - Không giảm quyền kiểm soát của các cổ đông hiện tại
 - Nâng cao đòn bẩy tài chính
 - Tăng thu nhập cho mỗi cổ phần nếu phần thu nhập từ vốn vay cao hơn chi phí huy động (chủ yếu là chi phí trả lãi)
 - Chi phí trả lãi đ- ợc khấu trừ thuế
- Nh- ợc điểm
 - Tuy nhiên, phát hành giấy nợ làm tăng rủi ro phá sản cho NH, áp lực trả lãi cao.

97

www.ub.com.vn



Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



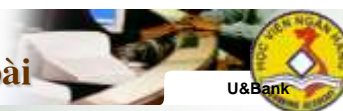
- Phát hành chứng khoán bổ sung
- Khi tài sản có giá trị thị tr- ờng tăng cao so với giá trị sổ sách, NH có thể lập dự trữ tăng giá tài sản và phát hành chứng khoán bổ sung trên khoản dự trữ này cung cấp cho cổ đông hiện tại. Biện pháp này làm tăng vốn cổ phần, nh- ng không gây hiệu ứng pha loãng hay làm giảm giá trị của cổ phiếu đã phát hành.

98

www.ub.com.vn



Tăng vốn từ nguồn bên ngoài



☐ Chuyển đổi chứng khoán nợ thành cổ phiếu

- Ưu điểm
 - NH phát hành cổ phiếu để mua lại các chứng khoán nợ đã phát hành
 - Tăng vốn cổ phần,
 - Tránh đ-ợc các chi phí trả lãi trong t-ơng lai
- Nhược điểm
 - Có thể gây hiệu ứng pha loãng

99

www.ub.com.vn



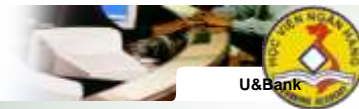
Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn biện pháp tăng vốn tối ưu



- Chi phí liên quan đến các nguồn vốn
- ảnh hưởng đối với thu nhập của cổ đông
- ảnh hưởng đối với quyền sở hữu và quản lý NH của các cổ đông hiện tại và cổ đông t-ơng lai
- Rủi ro liên quan đến mỗi nguồn vốn
- Rủi ro hiện tại và t-ơng lai của ngân hàng
- Tình trạng của thị trường nơi nguồn vốn mới dự kiến huy động
- Những quy định của chính phủ ảnh hưởng tới quy mô và cấu trúc của vốn ngân hàng

100

www.ub.com.vn



Một ngân hàng đang được khuyến cáo cần tăng thêm 100 triệu USD vốn dài hạn. Tổng số cổ phiếu thường hiện hành của ngân hàng là 90 triệu cổ phiếu, mệnh giá 1USD/cổ phiếu. Ngân hàng đang nắm giữ tổng tài sản trị giá khoảng 20 tỷ USD và 1 tỷ USD vốn chủ sở hữu. Trong năm tới, ngân hàng dự đoán tổng doanh thu từ hoạt động là 1,5 tỷ USD, trong đó chi phí hoạt động chiếm 85%. Biết rằng thuế suất thuế thu nhập là 25%. Vậy ngân hàng nên chọn tăng vốn theo phương án nào dưới đây:

- Bán 100 triệu USD cổ phiếu thường với giá 10USD/cổ phiếu.
- Bán 100 triệu USD cổ phiếu ưu đãi, lãi suất 10%/năm với giá 10 USD/cổ phiếu (giá bán bằng mệnh giá)
- Bán 100 triệu USD trái phiếu kỳ hạn 10 năm với lãi suất coupon 12%/năm.

www.ub.com.vn



Thank You !

Company Name



www.ub.com.vn

U&Bank